

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Đề án Khuyến khích phát triển cây Mắc ca  
tập trung trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2021**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP, ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 240/QĐ-TTg ngày 28/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu đến năm 2020;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT: Số 4961/QĐ-BNN-TCLN, ngày 17/11/2014 về việc ban hành danh mục các loài cây chủ lực cho trồng rừng sản xuất và Danh mục các loài cây chủ yếu cho trồng rừng theo các vùng sinh thái lâm nghiệp; số 1134/QĐ-BNN-TCLN, ngày 05/4/2016 về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển cây Mắc ca vùng Tây Bắc và Tây Nguyên đến năm 2020, tiềm năng phát triển đến 2030”;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND, ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Lai Châu về việc Bổ sung một số nội dung tại Điều 1, Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND, ngày 28/7/2016 của HĐND tỉnh về Quy định chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017 – 2021;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 1477/TTr-SNN, ngày 20 tháng 12 năm 2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án Khuyến khích phát triển cây Mắc ca tập trung trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2021, với các nội dung chính như sau:

**1. Mục tiêu**

Đến năm 2021 có 3.600 ha, trong đó:

- Trồng xen vào nương Chè: 1.000 ha.

- Trồng thuần và trồng xen thay thế cây Sả: 2.600 ha, trong đó: Doanh nghiệp khoảng 1.600 ha; hộ gia đình, cá nhân khoảng 1.000 ha.

## **2. Đất trồng cây Mắc ca**

- Đất trồng cây Mắc ca: Trồng xen vào nương Chè, Sả, đất trồng cây Cao su có độ cao trên 600 m kém hiệu quả; trồng trên đất nương rẫy, đất trống, đồi núi trọc, đất rừng tái sinh sau nương rẫy kém hiệu quả.

- Yêu cầu độ dốc dưới 30%, có tầng đất canh tác dày trên 70cm, thoát nước, không úng, ngập; có độ cao từ 500 m đến 1.200 m so với mực nước biển.

## **3. Về giống và sản xuất giống**

Giống mắc ca trồng trên địa bàn tỉnh Lai Châu phải đảm bảo:

- Năm trong bộ giống đã được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận.

- Chủ trọng những giống đã khảo nghiệm ở Lai Châu cho năng suất cao và ổn định, thích hợp với từng phương thức canh tác (Trồng xen chè, trồng thuần...).

- Giống có nguồn gốc và lý lịch rõ ràng, cơ sở sản xuất và cung ứng giống được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận.

## **4. Về tổ chức trồng cây Mắc ca**

Khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư trồng cây Mắc ca trên địa bàn tỉnh, nhưng phải tập trung thành vùng, ở bản vùng tập trung phải có quy mô 10 ha trở lên, ở xã vùng tập trung phải có quy mô 50 ha trở lên.

## **5. Về chế biến và tiêu thụ**

Thị trường Mắc ca trong tỉnh, trong nước và trên thế giới rất lớn, tỉnh Lai Châu khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư chế biến sâu sản phẩm Mắc ca trên địa bàn tỉnh.

## **6. Về chính sách khuyến khích đầu tư**

### **6.1. Chính sách về đất đai**

- Khuyến khích tích tụ đất đai để hình thành các vùng Mắc ca tập trung theo các phương thức góp đất, thuê đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo thỏa thuận và tự nguyện giữa người có đất với người có nhu cầu sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đất do nhà nước quản lý: Đất của các nông, lâm trường, của các Ban quản lý rừng phòng hộ, của UBND cấp xã đang quản lý đủ điều kiện chuyển sang trồng Mắc ca, Nhà nước sẽ cho thuê và miễn giảm tiền thuê đất theo quy định của pháp luật.

### **6.2. Chính sách về sản xuất giống cây Mắc ca**

Thực hiện theo Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể: Tỉnh Lai Châu khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư sản xuất giống tại Lai Châu để cung cấp giống có chất lượng, thích hợp với điều kiện sinh thái của Lai Châu. Hỗ trợ 01 lần cho 03 cơ sở giống đầu tiên có quy mô từ 100.000 đến dưới 500.000 cây giống cung cấp ra thị trường/năm. Mức hỗ trợ 01 tỷ đồng/1 cơ sở bằng nguồn ngân sách của tỉnh.

Đối với những cơ sở có quy mô từ 500.000 cây giống cung cấp ra thị trường/năm trở lên thực hiện theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

### 6.3. Chính sách hỗ trợ trồng cây Mắc ca

Thực hiện theo Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể:

#### 6.3.1. Đối với hộ gia đình, cá nhân

##### a) Nội dung và mức hỗ trợ

- Trồng xen vào nương chè (mật độ 100cây/ha): Hỗ trợ 100% tiền giống; một phần tiền công làm đất và chi phí khuyến nông. Mức hỗ trợ 06 triệu đồng/ha.

- Trồng thuần và trồng xen thay thế cây Sả (mật độ 300-330 cây/ha): Hỗ trợ 100% tiền giống; một phần tiền công làm đất và chi phí khuyến nông. Mức hỗ trợ 20 triệu đồng/ha.

##### b) Điều kiện được hỗ trợ

- Có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Lai Châu.

- Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng thuê đất.

- Có đất nằm trong dự án trồng Mắc ca được UBND tỉnh phê duyệt.

#### 6.3.2. Đối với tổ chức kinh tế

##### a) Nội dung và mức hỗ trợ

Ngoài nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ, UBND tỉnh Lai Châu hỗ trợ thêm 06 triệu/ha đối với những diện tích có hợp đồng thuê đất, mua đất, góp quyền sử dụng đất giữa tổ chức kinh tế với các hộ gia đình, cá nhân.

##### b) Điều kiện hỗ trợ

- Có tư cách pháp nhân.

- Đầu tư trồng, phát triển cây Mắc ca trên địa bàn tỉnh Lai Châu với quy mô thực hiện từ 50 ha trở lên.

- Có hợp đồng thuê đất, mua đất, góp quyền sử dụng đất giữa các hộ gia đình, cá nhân với tổ chức kinh tế theo mẫu hợp đồng (do UBND tỉnh ban hành kèm theo Đề án).

### 6.4. Chính sách chế biến và tiêu thụ

- Tỉnh Lai Châu khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư chế biến sâu sản phẩm Mắc ca trên địa bàn tỉnh: Tạo điều kiện cho thuê đất, miễn giảm tiền thuê đất theo quy định của pháp luật.

- Tỉnh Lai Châu khuyến khích các doanh nghiệp hợp tác trồng và tiêu thụ sản phẩm Mắc ca thông qua hợp đồng hợp tác sản xuất và kinh doanh giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp với nông dân, HTX. Các hợp đồng được tỉnh bảo hộ theo quy định của pháp luật.

## **7. Tổng mức vốn và nguồn vốn của tỉnh hỗ trợ cho khuyến khích phát triển cây Mắc ca giai đoạn 2018-2021**

### **7.1. Tổng mức đầu tư**

- Tổng vốn đầu tư của tỉnh giai đoạn 2018-2021 khoảng 24,9 tỷ đồng (bình quân mỗi năm 6,23 tỷ đồng), trong đó:

+ Hỗ trợ vườn ươm: 03 tỷ đồng.

+ Hỗ trợ trồng xen trên nương chè: 4,8 tỷ đồng.

+ Hỗ trợ trồng thuần và trồng xen thay thế cây sả: 17,1 tỷ đồng (hỗ trợ người dân: 09 tỷ đồng; hỗ trợ tổ chức kinh tế: 8,1 tỷ đồng).

**7.2. Nguồn vốn đầu tư:** Đề án khuyến khích phát triển cây Mắc ca thực hiện trong giai đoạn 2018-2021 được đầu tư bằng các nguồn vốn do địa phương quản lý, gồm:

- Nguồn ngân sách tỉnh.

- Nguồn dịch vụ môi trường rừng (10% chi phí quản lý của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng).

- Nguồn trồng rừng thay thế.

- Nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững.

- Các nguồn tự chủ khác của tỉnh.

## **8. Tổ chức thực hiện**

### **8.1. UBND các huyện, thành phố**

- Tổ chức phổ biến Đề án đến các xã và thôn, bản.

- Lập dự án cho cả giai đoạn 2018-2021 và phân kỳ đầu tư cho từng năm gửi Sở Nông nghiệp & PTNT thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt trước 30/4/2018.

- Tổ chức thực hiện theo dự án được UBND tỉnh phê duyệt.

### **8.2. Sở Nông nghiệp & PTNT**

- Hướng dẫn UBND các huyện, thành phố lập dự án đầu tư; thẩm định dự án theo yêu cầu của Đề án và theo quy trình kỹ thuật trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn UBND các huyện, thành phố trong quá trình triển khai, thực hiện dự án.

- Kiểm soát nguồn giống đảm bảo giống có nguồn gốc rõ ràng, đáp ứng chất lượng theo quy trình kỹ thuật, giá cả phù hợp theo cơ chế thị trường.

- Tổ chức phúc tra kết quả nghiệm thu của UBND các huyện, thành phố.

- Theo dõi và tổng hợp tình hình thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh.

### **8.3. Sở Kế hoạch & Đầu tư**

- Hướng dẫn các tổ chức kinh tế lập dự án đầu tư, tổ chức thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định của Luật Đầu tư.

- Hướng dẫn cho các tổ chức kinh tế và tham mưu UBND tỉnh thực hiện hỗ trợ sau đầu tư cả nguồn ngân sách trung ương và nguồn ngân sách địa phương theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

- Tổng hợp tổng diện tích cây Mắc ca và kế hoạch trồng mới cây Mắc ca vào kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội hàng năm của tỉnh.

#### 8.4. Sở Tài nguyên & MT

- Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức để làm cơ sở pháp lý cho hợp đồng thuê đất, góp đất trồng Mắc ca.

- Hướng dẫn các tổ chức kinh tế trong việc thực hiện hợp đồng góp đất, cho thuê đất.

#### 8.5. Sở Tài chính

- Đảm bảo nguồn vốn hỗ trợ cho các dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt và theo kế hoạch trồng mới hàng năm.

- Hướng dẫn UBND các huyện, thành phố trong quá trình lập kế hoạch ngân sách hàng năm, trong công tác ứng, thanh toán, quyết toán vốn.

#### 8.6. Các cơ quan thông tin và truyền thông:

- Tổ chức tuyên truyền Đề án phát triển cây Mắc ca trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Phát hiện và tuyên truyền các mô hình hay, các cá nhân và tổ chức tiêu biểu trong quá trình thực hiện Đề án.

(Chi tiết có Đề án kèm theo)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Tài nguyên & MT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Lai Châu; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Giám đốc Quỹ Bảo vệ & Phát triển rừng tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy ;
- Lãnh đạo HĐND tỉnh ;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NLN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trọng Quảng

**ĐỀ ÁN**

**KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN CÂY MẮC CA TẬP TRUNG  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU ĐẾN NĂM 2021**

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 1655/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)



**Phần I  
CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**I. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

- Nghị định số 210/2013/NĐ-CP, ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;
- Quyết định số 240/QĐ-TTg, ngày 28/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu đến năm 2020;
- Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT, ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;
- Quyết định số 2039 và 2040/QĐ-BNN-TCLN, ngày 01/9/2011; số 65/QĐ-BNN-TCLN, ngày 11/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công nhận giống tiến bộ kỹ thuật;
- Quyết định số 4961/QĐ-BNN-TCLN, ngày 17/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành danh mục các loài cây chủ lực cho trồng rừng sản xuất và danh mục các loài cây chủ yếu cho trồng rừng theo các vùng sinh thái lâm nghiệp;
- Quyết định số 3087/QĐ-BNN-TCLN, ngày 04/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc ban hành Hướng dẫn tạm thời kỹ thuật nhân giống, trồng, chăm sóc, thu hái quả và sơ chế hạt cây Mắc ca;
- Quyết định số 1134/QĐ-BNN-TCLN, ngày 05/4/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển cây Mắc ca vùng Tây Bắc và Tây Nguyên đến năm 2020, tiềm năng phát triển đến 2030”;
- Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND, ngày 20/8/2012 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Lai Châu giai đoạn 2011-2020;

- Quyết định số 1406/QĐ-UBND, ngày 30/10/2014 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Lai Châu đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;
- Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 15/7/2016 của Tỉnh ủy Lai Châu về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;
- Thông báo Kết luận số 538-TB/TU ngày 13/11/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại cuộc họp ngày 09-10/11/2017 về Đề án Khuyến khích phát triển cây Mắc ca trên địa bàn tỉnh đến năm 2021 định hướng đến năm 2030;
- Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND, ngày 08/12/2017 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Lai Châu về việc Bổ sung một số nội dung tại Điều 1, Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND, ngày 28/7/2016 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về Quy định chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017 – 2021.

## II. KHÁI QUÁT VỀ CÂY MẮC CA

### 1. Nguồn gốc

Cây Mắc ca được phát hiện từ cây hoang dại ở vùng rừng mưa nhiệt đới ven biển vùng Đông Nam bang Queensland và miền Bắc bang New South Wales trong phạm vi  $25^{\circ}$  -  $31^{\circ}$  vĩ độ Nam của Australia. Vào đầu năm 1857, nhà thực vật học nổi tiếng của Australia là B.F Von Mueller và nhà thực vật học Scotlen Walter Hill đã phát hiện loài cây này trong rừng cây bụi ở gần sông Pine của vịnh Moreton của Queensland, đặt tên là cây quả khô Australia ba lá (Mắc ca temifolia F.Mueller), xếp các cây này thành một chi mới là Mắc ca để kỷ niệm người bạn của ông là John Macadam. Ngày nay mắc ca được biết đến là cây có giá trị kinh tế ở nhiều nước, tại nhiều chục lục trong đó có Việt Nam.

### 2. Đặc điểm sinh học

Mắc ca là loài thân gỗ thường xanh, đa tác dụng, cao 15 - 18 m. Tuổi thọ kinh doanh 40 - 60 năm. Cây Mắc ca có bộ rễ chùm và được hình thành từ khi tử diệp của cây thực sinh vừa rụng, nghĩa là 2 - 6 tháng sau nảy mầm. Khi phát triển, bộ rễ hình thành từng chùm xoay quanh trục rễ chính, rễ nhỏ không có khả năng tái sinh, rễ con khi dài 1 - 4 cm thì có lông hút, sau 3 tháng lông hút rụng, phần lớn rễ nhỏ sau 12 tháng sẽ tiêu huỷ. Việc hình thành bộ rễ có tính thời vụ và cần những điều kiện phù hợp, chủ yếu là điều kiện nhiệt độ và nước.

Thân Mắc ca thẳng đứng, phân cành nhiều, cành hình trụ có nhiều chỗ lồi nhỏ, vỏ cây thô, không vết nhăn hoặc rãnh nhỏ, gỗ cứng.

Lá của Mắc ca mọc theo vòng, cũng có trường hợp 2 lá mọc đối xứng hoặc 4 lá mọc vòng. Lá dày, xanh, cứng, thuôn hình mác ngược, dài 10 - 30 cm; viền lá hình sóng, có trường hợp có gai cứng; gân lá, gân con và các gân nhỏ chằng chịt ở 2 mặt lá, nhìn dễ thấy. Cuống lá dài 5 - 15 mm.

Hoa của cây Mắc ca là hoa tự bông dài từ 15 - 25 cm và mọc ra từ nách lá. Hoa thường có màu trắng hay hồng, nở rộ từ tháng 12 đến tháng 2 năm sau (có khi kéo dài đến tháng 4 - các dòng Mắc ca ra hoa có sai lệch nhau về thời gian). Mỗi chùm hoa chỉ đậu từ 5 - 30 quả.

Quả hình trái đào hoặc tròn như hòn bi, khi chín vỏ quả chuyển từ màu xanh sang nâu, vỏ quả khô tự nứt. Vỏ hạt màu nâu rất cứng, đường kính 2,5 - 4cm (khoảng 120 - 137 hạt/kg); hạt có vỏ cứng dày 2 - 4mm. Nhân hạt màu trắng sữa, tỷ lệ nhân 30 - 50 %.

### 3. Yêu cầu sinh thái

#### 3.1. Đất đai

Cây Mắc ca ưa đất thịt nhẹ đến trung bình, thời hạn úng ngập không quá 10 ngày, đất ẩm đều quanh năm; đất có độ dốc dưới 30%, tầng canh tác từ 0,7m trở lên,透气, thoát nước tốt, độ pH thích hợp từ 5 - 6.

Độ cao ảnh hưởng trực tiếp đến sinh trưởng, phát triển, sản lượng quả Mắc ca. Độ cao thích hợp để trồng Mắc ca từ 500-1.200 m so với mặt nước biển.

#### 3.2. Khí hậu

Cây Mắc ca là cây ưa sáng, được trồng tại các quốc gia có khí hậu ẩm, Á nhiệt đới. Cây có khả năng chịu hạn tốt, trong điều kiện thiếu nước tưới vẫn có thể sinh trưởng và phát triển bình thường. Cây có biên độ sinh thái rộng, có thể chịu lạnh tới - 4°C đối với cây con và - 6°C đối với cây trưởng thành, có thể chịu nóng tới 38°C và chịu được sương giá 20 ngày. Nhiệt độ tốt nhất để cây sinh trưởng và phát triển tốt nhất là từ 12 - 32°C. Nhiệt độ nóng quá trên 35°C gây úc chế sinh trưởng.

Cây mắc ca nhạy cảm với tác hại của gió, do mắc ca có bộ rễ cọc kém phát triển, rễ chùm lớn nên thường gãy đổ hoặc rụng hoa, quả nhiều khi ró lớn.

- Lượng mưa là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến sinh trưởng, phát triển cây trồng, là yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất nên lượng mưa được lựa chọn là yếu tố để đánh giá tiềm năng phát triển trồng loài cây Mắc ca. Lượng mưa thích hợp từ 1.200 - 2.500 mm và phân bố đều trong năm.

### 4. Giá trị của cây Mắc ca

Thành phần hữu ích chính là nhân hạt màu sữa trắng ngà vàng, chiếm gần 1/3 trọng lượng hạt. Quả mắc ca có hàm lượng các chất dinh dưỡng rất phong phú. Hàm lượng chất béo trong nhân hạt Mắc ca rất cao, tới hơn 78% trong đó hàm lượng chất béo trong lạc nhân chỉ có 44,8%, trong nhân điều 47%, hạch nhân 51%, trong hạch đào cũng chỉ chiếm 63%. Ngoài chất béo, trong nhân hạt Mắc ca còn chứa nhiều protit và hydratcacon, nhiều chất khoáng, vitamin B1, B2, axit nicotic. Trong một kg nhân hạt Mắc ca có 6,4 - 18g vitamin E. Dầu trong nhân Mắc ca có trên 84% là axít béo không no, trong đó có một axít béo không no mà cơ thể người không tự tổng hợp được, khi ăn vào sẽ có tác dụng làm giảm bớt được cholesterol, có tác dụng phòng trị bệnh xơ cảng động mạch.

Nhân hạt mắc ca có thể ăn tươi, xào hoặc làm mặt hàng thực phẩm chiên, làm sô cô la, sản xuất hàng mỹ phẩm, ... Phụ phẩm của quả Mắc ca có nhiều công dụng, trong vỏ quả có 14% chất tannin có thể dùng để thuộc da, 8-10% protit có thể nghiền trộn làm nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi, vỏ hạt có thể làm than hoạt tính làm chất đốt, nghiền vụn có thể dùng làm chất đệm để sản xuất vật liệu đệm trong khi ươm cây giống...

Hiện nay với 01 ha Mắc ca 7 tuổi trồng với mật độ khoảng 360 cây, cho thu khoảng 5 tấn quả. Với giá 50.000 đ/kg, cho thu nhập khoảng 250 triệu đồng. Ngoài ra, cây Mắc ca có tán lớn, tuổi thọ dài, sức chống chịu tốt, là một cây phủ xanh đất trồng đồi trọc có hiệu quả nên còn có giá trị gốp phần bảo vệ môi trường.

### 5. Triển vọng phát triển

Ngành sản xuất mắc ca trên thế giới có nhiều tiềm năng và triển vọng phát triển do nhu cầu tiêu thụ mắc ca ngày càng lớn. Thị trường ngày càng được mở rộng tại các thị trường lớn như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Ấn Độ và các nước Trung Đông...

Trong những năm tới đây, tổng sản lượng mắc ca trên toàn thế giới có thể sẽ tăng nhanh, chiếm trên 1% thị phần thương mại của các loại quả hạt cứng. Một số thị trường tiềm năng sẽ trở thành các thị trường chủ chốt trong tiêu thụ và xuất khẩu hạt mắc ca. Hiệp hội mắc ca Úc đang kỳ vọng có thể nâng thị phần hạt mắc ca lên 20% tổng các loại hạt vì những giá trị dinh dưỡng, kinh tế và môi trường hạt mắc ca đem lại. Trong 10 năm tới, mắc ca sẽ trở thành cây ưu tiên trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp của nhiều quốc gia do nhu cầu liên quan đến sức khỏe con người gia tăng, đặc biệt tại thị trường Trung Đông, Trung Quốc và Hàn Quốc. Tuy nhiên vùng đất thích hợp để cho cây mắc ca phát triển không nhiều.

Theo hiệp hội mắc ca Việt Nam trong 20 năm tới và tầm nhìn đến giữa thế kỷ 21, mục tiêu phát triển mắc ca đạt thị phần 20% tổng sản lượng hạt cứng toàn thế giới và giữ ổn định sẽ đảm bảo phát triển không bị quá mức, giá trị kinh tế được duy trì, không bị ảnh hưởng lên xuống về giá. Cơ hội lớn để phát triển ngành công nghiệp mắc ca chính là “Tăng cung” và “Duy trì chất lượng nguồn cung ổn định”.

## III. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÂY MẮC CA TRÊN THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC

### 1. Trên thế giới

Sản lượng xuất khẩu Mắc ca của thế giới năm 2001 đạt 58.952 tấn, tăng 16% so với năm 2000 và 39% so với năm 1999. Năm 2001, Australia xuất khẩu Mắc ca chiếm trên 40% của thế giới. Ở tất cả các nước sản xuất chính, xuất khẩu đều tăng.

- Australia: Sản lượng xuất khẩu hạt Mắc ca đạt khoảng 27.300 tấn vào niên vụ 2001-2002, tăng 5% so với năm trước. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Mỹ, Hồng Kông, Nhật: Mỹ 9.311 tấn, Hồng Kông 4.979 tấn, Nhật 3.872 tấn, Đức 1.582 tấn, Bỉ 1.446 tấn. Mức tiêu dùng nội địa ở Australia vào khoảng 5.000 tấn và tương đối ổn định. Tuy nhiên, nhiều nhà máy tin rằng số liệu này là quá thấp và họ đưa ra con số tiêu dùng nội địa niên vụ 2001 - 2002 khoảng 9.000 tấn.. Theo truyền thống, có 3 tổ chức làm vườn chính ở Australia là Tổng công ty nghiên cứu và phát triển vườn (HRDC) và Tổng Công ty làm vườn Australia (AHC). HRDC chịu trách nhiệm nghiên cứu và phát triển còn AHC chịu trách nhiệm các hoạt động thúc đẩy.

- Guatemala: Xuất khẩu hạt Mắc ca năm 2010 đạt 900 tấn tăng 22% so với năm trước, 25% được xuất khẩu dưới dạng hạt đã được bóc vỏ, 75% dưới dạng thành phẩm. Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn của Guatemala, đạt 4.500 tấn vào năm 2001. Xuất khẩu năm 2002 dự kiến tăng lên 9.500 tấn, giá xuất khẩu nhân bình quân trong năm 2001 từ 5,6-5,8 USD/kg. Tiêu dùng Mắc ca ở Guatemala vẫn ở mức thấp, một phần do giá thị trường cao, phần khác do người dân ít hiểu biết về sản phẩm này và chưa quen sử dụng.

- Kenya: Sản lượng hạt Mắc ca xuất khẩu ước đạt được 6.052 tấn trong niên vụ 2001-2002, cao hơn năm trước 54%. Nhật, Đức và Mỹ là thị trường nhập khẩu hạt Mắc ca lớn nhất của Kenya, trong đó 70% là xuất sang Nhật. Năm 2002, sản lượng xuất sang Nhật còn tăng hơn nữa. Do điều khoản thanh toán hấp dẫn cùng với những điều kiện sản xuất không khắt khe của cây Mắc ca nên sản lượng sẽ tiếp tục tăng. Tiêu dùng sản phẩm Mắc ca ở Kenya rất ít, chủ yếu dành để xuất khẩu. Tiêu dùng trong nước ước khoảng 40 tấn nhân Mắc ca chế biến.

- Nam Phi: Xuất khẩu hạt Mắc ca năm 2001 đạt tới 10.400 tấn, tăng 13% so với năm trước. Mỹ và châu Âu tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Nam Phi. Xuất khẩu năm 2002 dự đoán tăng lên 11.400 tấn.

- Mỹ: Xuất khẩu Mắc ca niên vụ 2001 - 2002 hy vọng đạt 4.300 tấn, tăng 43% so với năm trước. Nhật, Canada và Hàn Quốc là 3 thị trường nhập khẩu lớn hạt Mắc ca của Mỹ. Riêng Nhật vẫn là thị trường lớn nhất, mua 42% lượng hạt Mắc ca xuất khẩu từ Mỹ. Mỹ xuất khẩu chủ yếu là Mắc ca đã được bảo quản và xử lý đặc biệt. Trừ thị trường Hồng Kông và Đài Loan ra, thị trường châu Á của Mỹ vẫn đang diễn biến tốt. Xuất khẩu Mắc ca của Mỹ sang Hàn Quốc, Singapore, Trung Quốc và Philipin đều tăng. Canada là thị trường lớn thứ 2 của Mỹ, lượng nhập khẩu tăng 22% so với năm trước, đạt 482 tấn. Tuy nhiên, xuất khẩu sang thị trường quan trọng khác là Hà Lan thì giảm. Mỹ không chỉ là quốc gia xuất khẩu lớn trên thế giới mà việc tiêu thụ sản phẩm Mắc ca trong nước cũng lớn nhất thế giới.

Bảng phân tích lượng tiêu thụ

Quốc gia	Dân số	Số lượng (tấn)	Ghi chú	Bình quân (gam/người)
Australia	22.500.000	3.546,0	SL được tính bằng 30% tổng SL toàn quốc 2010	157,6
Japan	127.400.00	1.229,1	SL nhập khẩu qua hải quan tính đến 30/10/2010	9,6
Germany	81.802.000	3.243,0	SL nhập khẩu qua hải quan năm 2009	39,6
UK	61.702.000	536,6	SL nhập khẩu qua hải quan tính đến 30/9/2010	8,7
Taiwan	22.000.000	408,94	SL nhập khẩu qua hải quan năm 2010	18,6

Nguồn: Công ty VINAMACCA Việt Nam năm 2013

Cùng với Australia, Hawaii (Mỹ) đứng hàng đầu thế giới về sản lượng nhưng mới chỉ đáp ứng nhu cầu của khách du lịch tới quần đảo này, còn dư một phần chuyển về bán tại thị trường nội địa Mỹ. Nhân Mắc ca của Australia trước đây chủ yếu được xuất vào thị trường Mỹ và Canada, nay Châu Âu và châu Á đang trở thành thị trường tiêu thụ lớn hơn. Giá cá quốc tế vài năm gần đây khoảng 13 - 14 USD/Kg nhân. Các dự báo thị trường đều cho rằng giá nhân Mắc ca sẽ còn tăng mạnh trong tương lai. Trong khi đó, diện tích và sản lượng Mắc ca hiện nay rất thấp, tính theo tỉ trọng các loại hạt cứng ăn được khác chỉ bằng khoảng 2%. Đó chính là điều kiện cho phép nâng diện tích và sản lượng cây Mắc ca lên gấp bội. Có thể nâng diện tích gấp hàng trăm lần hiện nay mới đủ làm bão hòa thị trường.

## 2. Tình hình phát triển cây Mắc ca ở trong nước

Mắc ca có mặt ở Việt Nam từ năm 1993-1994 do một số cán bộ lãnh đạo địa phương và một số nhà khoa học của ta đã đưa một số cây về trồng ở Ba Vì (Hà Nội), Đăk Lăk, Sơn La, ... Đến nay đã có nhiều địa phương trồng loài cây này, trong đó tập trung chủ yếu tại khu vực Tây Nguyên, Tây Bắc và một số khu vực của miền trung. Kết quả ban đầu cho thấy mắc ca phù hợp về điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu trồng tại nhiều vùng của các khu vực này.

Theo Quyết định số 1134/QĐ-BNN-TCLN ngày 05/4/2016 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển cây Mắc ca vùng Tây Bắc và Tây Nguyên đến năm 2020, tiềm năng phát triển đến năm 2030”, tại hai vùng này đến năm 2030 có tiềm năng phát triển khoảng 34.500 ha, với 7.000 ha trồng tập trung và 27.500 ha trồng xen, trong đó: Vùng Tây Bắc 4.800 ha trồng thuần và 3.250 ha trồng xen, vùng Tây Nguyên 2.200 ha trồng thuần và 24.250 ha trồng xen.

Như vậy, việc đưa cây Mắc ca vào trồng ở nước ta đã thực hiện được trên 20 năm. Kết quả trồng khảo nghiệm tại các vùng trong nước cho thấy cây có nhiều triển vọng và thích hợp với các tỉnh miền núi của Việt Nam, đặc biệt là tại vùng Tây Nguyên và Tây Bắc. Tuy nhiên, cho đến nay việc phát triển trồng cây Mắc ca ở nhiều nơi vẫn còn là thử nghiệm hoặc trồng theo mô hình nhỏ và mang tính tự phát.

### 3. Tình hình phát triển cây Mắc ca ở Lai Châu

Năm 2011 cây mắc ca bắt đầu được trồng tại vườn của 01 hộ gia đình ở thành phố Lai Châu với quy mô 0,99 ha, hiện nay diện tích này đã cho thu hoạch.

Năm 2012, 2013, trên địa bàn tỉnh đã thực hiện trồng mới trên 190 ha theo các chương trình nghiên cứu và trồng thử nghiệm, trong đó tập trung tại địa bàn huyện Tam Đường với trên 169 ha cây mắc ca tại 11 xã, thị trấn, 112 bản, với 1.300 hộ tham gia, trong đó: Trồng thuần trên 133 ha ở 6 xã, thị trấn, 107 bản, với 1.243 hộ tham gia; trồng xen nương chè trên 35 ha ở 2 xã, thị trấn, 5 bản, với 57 hộ tham gia.

Từ năm 2014-2016 trên địa bàn các huyện Phong Thổ, Sìn Hồ và Nậm Nhùn tỉnh đã trồng mới được trên 150 ha với quy mô tập trung, trong đó riêng Công ty TNHH MTV Trường Giang Lai Châu đã thực hiện trồng mới gần 100 ha tại Phong Thổ và Nậm Nhùn.

Đến hết năm 2016 toàn tỉnh có trên 260 ha được trồng tại địa bàn của 04 huyện và thành phố, các vườn cây đều sinh trưởng, phát triển tốt, nhiều vườn đã cho thu hoạch.

### Diện tích trồng Mắc ca ở Lai Châu

ĐVT: ha

T T	Địa điểm	Tổng	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1	Tam Đường	114,00		63,71	42,56	7,73			Theo báo cáo toàn huyện trồng 181,3 ha còn 114 ha
2	TP Lai Châu	1,79	0,99	0,80					
3	Tân Uyên	2,00			2,00				
4	Phong Thổ	28,0				4,00	24,0		
5	Sìn Hồ	42,55						42,55	
6	Nâm Nhùn	75,0					35,00	40,00	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>263,34</b>	<b>0,99</b>	<b>64,51</b>	<b>44,56</b>	<b>11,73</b>	<b>59,00</b>	<b>82,55</b>	

## **4. Tiềm năng và lợi thế phát triển cây Mắc ca ở Lai châu**

### **4.1. Đất đai**

Kết quả đánh giá tài nguyên đất của Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp năm 2005 cho thấy tỉnh Lai Châu có 6 nhóm đất chính là: Nhóm đất phù sa, nhóm đất đen, nhóm đất Feralit đỏ vàng, nhóm đất Feralit mùn vàng đỏ trên núi, nhóm đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ, nhóm đất mùn vàng nhạt trên núi cao và núi đá, sông suối, cụ thể như sau:

- Nhóm đất phù sa: gồm 2 loại đất với diện tích 4.119,12 ha, chiếm 0,45% diện tích tự nhiên, tập trung ở các huyện Sìn Hồ, Tam Đường và Than Uyên đây là nhóm đất có chất lượng tốt, thích hợp với các loại cây ngắn ngày như: cây lương thực, cây hoa màu và cây công nghiệp ngắn ngày;
- Nhóm đất đen: gồm 2 loại đất với diện tích 1.601,69 ha, chiếm 0,18% diện tích tự nhiên, phân bố chủ yếu ở thành phố Lai Châu, huyện Tam Đường, Than Uyên, Sìn Hồ, thích hợp cho phát triển các cây lương thực, cây công nghiệp;
- Nhóm đất Feralit đỏ vàng: gồm 10 loại đất với diện tích 436.373,72 ha, chiếm 48,14% diện tích tự nhiên, phân bố rộng khắp trong tỉnh tại các vùng đồi núi có độ cao dưới 900 m. Đặc điểm chủ yếu của nhóm đất Feralit đỏ vàng là có thành phần cơ giới cát, cát pha, đất chua và có độ phì từ trung bình đến thấp. Tuỳ theo chất lượng đất, độ dốc của từng loại đất có thể phát triển cây lương thực, cây công nghiệp dài ngày.
- Nhóm đất Feralit mùn vàng đỏ trên núi có diện tích 357.889,45 ha, chiếm 39,48% diện tích tự nhiên, phân bố trên tất cả các vùng núi cao và núi trung bình, độ cao từ 900 m đến 1.800 m. Nhóm đất này có tầng dày, thành phần cơ giới từ nhẹ đến trung bình, ít chua nên thích hợp với nhiều loại cây trồng;
- Nhóm đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ có 1.803,32 ha, chiếm 0,2% diện tích tự nhiên, phân bố rải rác trên địa bàn tỉnh, thích hợp với cây lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày;
- Nhóm đất mùn vàng nhạt trên núi cao có 67.058,77 ha, chiếm 7,4% diện tích tự nhiên, tập trung ở các huyện Sìn Hồ, Mường Tè và Phong Thổ, đất có chất lượng khá tốt nhưng phân bố ở độ cao trên 1.800 m, địa hình hiểm trở nên khó khai thác sử dụng;
- Các loại đất khác như núi đá, sông suối và mặt nước chuyên dùng, ... có diện tích 37.666,23 ha, chiếm 4,15% diện tích tự nhiên của tỉnh.

*Trên cơ sở đặc điểm và các yêu cầu về sinh thái của cây mắc ca, cho thấy diện tích đất có điều kiện phù hợp để phát triển cây mắc ca trên địa bàn tỉnh còn rất lớn. Kết quả khảo sát đánh giá cho thấy toàn tỉnh hiện có khoảng trên 180.000 ha đất thích hợp cho phát triển cây mắc ca, trong đó có trên 15.000 ha rất thích hợp cho phát triển cây mắc ca.*

#### 4.2. Về khí hậu

Lai Châu có khí hậu điển hình của vùng nhiệt đới gió mùa núi cao Tây Bắc, ngày nóng đêm lạnh ít chịu ảnh hưởng của bão và gió mùa Đông Bắc. Khí hậu trong năm chia làm hai mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10 có nhiệt độ và độ ẩm cao; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau, khí hậu lạnh, độ ẩm và lượng mưa thấp (tháng 4 và tháng 10 là thời gian chuyển giao giữa 2 mùa); kết quả thống kê thời tiết, khí hậu bình quân từ năm 2001 đến năm 2015 tại tỉnh Lai Châu cho thấy:

- Nhiệt độ không khí bình quân toàn tỉnh là  $20,2^{\circ}\text{C}$ , nhiệt độ tối thấp trung bình là  $16,8^{\circ}\text{C}$ , nhiệt độ tối thấp tuyệt đối trung bình là  $13,2^{\circ}\text{C}$ . Các tháng có nhiệt độ trung bình nhỏ hơn  $20^{\circ}\text{C}$  phổ biến từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau, các tháng có nhiệt độ trên  $20^{\circ}\text{C}$  phổ biến từ tháng 5 đến tháng 9. Khí hậu tháng 10, 11 mát mẻ, nhiệt độ bình quân hai tháng này đạt  $19,3^{\circ}\text{C}$  (*đây là nhiệt độ tại các điểm đặt trạm khí tượng, nhiệt độ thực tế tại các vùng xác định bằng cách từ điểm đặt trạm, cứ độ cao tăng 100 m thì nhiệt độ giảm đi  $0,6^{\circ}\text{C}$* ); tháng 4, 5 ẩm ướt, tháng 7, 8, 9, 10 nóng ẩm mà không quá gay gắt.

- Số giờ nắng bình quân qua các năm là 1.795,9 giờ/năm. Tổng tích ôn cả năm đạt  $7.000-8.500^{\circ}\text{C}$ .

- Lượng mưa bình quân qua các năm là 2.325,3 mm và có sự phân bố không đều ở các tháng trong năm; mưa lớn tập trung vào các tháng 6, 7, 8 và thường chiếm tới 80% lượng mưa cả năm; các tháng mùa khô (từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau) có lượng mưa rất ít, chỉ chiếm khoảng 20% lượng mưa cả năm.

- Độ ẩm không khí trung bình các năm là 83,2% và có sự chênh lệch độ ẩm giữa các khu vực từ 2-5%, độ ẩm trung bình tháng lớn nhất (tháng 7) đạt 87-93%, độ ẩm trung bình tháng nhỏ nhất (tháng 3 và tháng 4) là 71-77%.

- Gió: các hướng gió thịnh hành trên địa bàn tỉnh bao gồm gió Đông Bắc từ tháng 9 đến tháng 3 năm sau; gió Nam, Đông Nam và Tây Nam từ tháng 4 đến tháng 8, tốc độ gió không lớn. Tốc độ gió của tỉnh Lai Châu có sự biến động theo độ cao: ở những vùng có độ cao trên 900 m so với mực nước biển (vùng cao Tam Đường và Sìn Hồ) tốc độ gió bình quân lần lượt là 5,9 m/s và 6,8 m/s, tốc độ gió lớn nhất lần lượt là 26 m/s và 16 m/s. Những vùng có độ cao dưới 600 m so với mực nước biển (Than Uyên và Mường Tè) tốc độ gió bình quân lần lượt là 3,9 m/s và 3,0 m/s, tốc độ gió lớn nhất lần lượt là 20 m/s và 16 m/s.

*Đối chiếu đặc điểm sinh học và các yêu cầu sinh thái của cây mắc ca với điều kiện của Lai Châu cho thấy khí hậu của Lai Châu là lợi thế rất lớn để phát triển cây mắc ca.*

#### 4.3. Về thị trường

Là tỉnh biên giới giáp với Vân Nam – Trung Quốc, nơi có diện tích trồng mắc ca và tiêu thụ đứng đầu thế giới nên việc phát triển mắc ca tại Lai Châu ngoài các lợi thế về đất đai, khí hậu thì còn có lợi thế hơn hẳn các địa phương khác về việc vận chuyển và thị trường tiêu thụ.

**Phần II**  
**KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN CÂY MẮC CA**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU ĐẾN NĂM 2021**

**1. Mục tiêu**

Đến năm 2021 có 3.600 ha, trong đó:

- Trồng xen vào nương Chè: 1.000 ha.
- Trồng thuần và trồng xen thay thế cây Sả: có 2.600 ha, trong đó: Doanh nghiệp khoảng 1.600 ha; hộ gia đình, cá nhân khoảng 1.000 ha.

**2. Đất trồng cây Mắc ca**

- Đất trồng cây Mắc ca: Trồng xen vào nương Chè, Sả, đất trồng cây Cao su có độ cao trên 600 m kém hiệu quả; trồng trên đất nương rẫy, đất trống, đồi núi trọc, đất rừng tái sinh sau nương rẫy kém hiệu quả.

- Yêu cầu độ dốc dưới 30%, có tầng đất canh tác dày trên 70cm, thoát nước, không úng, ngập; có độ cao từ 500 m đến 1.200 m so với mực nước biển.

**3. Về giống và sản xuất giống**

Giống mắc ca trồng trên địa bàn tỉnh Lai Châu phải đảm bảo:

- Nằm trong bộ giống đã được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận.
- Chú trọng những giống đã khảo nghiệm ở Lai Châu cho năng suất cao và ổn định, thích hợp với từng phương thức canh tác (Trồng xen Chè, trồng thuần...).
- Giống có nguồn gốc và lý lịch rõ ràng, cơ sở sản xuất và cung ứng giống được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận.

**4. Về tổ chức trồng cây Mắc ca**

Khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư trồng cây Mắc ca trên địa bàn tỉnh, nhưng phải tập trung thành vùng, ở bản vùng tập trung phải có quy mô 10 ha trở lên, ở xã vùng tập trung phải có quy mô 50 ha trở lên.

**5. Về chế biến và tiêu thụ**

Thị trường Mắc ca trong tỉnh, trong nước và trên thế giới rất lớn, tỉnh Lai Châu khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư chế biến sâu sản phẩm Mắc ca trên địa bàn tỉnh.

**6. Về chính sách khuyến khích đầu tư**

**6.1. Chính sách về đất đai**

- Khuyến khích tích tụ đất đai để hình thành các vùng Mắc ca tập trung theo các phương thức góp đất, thuê đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo thỏa thuận và tự nguyện giữa người có đất với người có nhu cầu sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đất do nhà nước quản lý: Đất của các nông, lâm trường, của các Ban quản lý rừng phòng hộ, của UBND cấp xã đang quản lý đủ điều kiện chuyển sang trồng Mắc ca, Nhà nước sẽ cho thuê và miễn giảm tiền thuê đất theo quy định của pháp luật.

## 6.2. Chính sách về sản xuất giống cây Mắc ca

Thực hiện theo Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể: Tỉnh Lai Châu khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư sản xuất giống tại Lai Châu để cung cấp giống có chất lượng, thích hợp với điều kiện sinh thái của Lai Châu. Hỗ trợ 01 lần cho 03 cơ sở giống đầu tiên có quy mô từ 100.000 đến dưới 500.000 cây giống cung cấp ra thị trường/năm. Mức hỗ trợ 01 tỷ đồng/1 cơ sở bằng nguồn ngân sách của tỉnh.

Đối với những cơ sở có quy mô từ 500.000 cây giống cung cấp ra thị trường/năm trở lên thực hiện theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

## 6.3. Chính sách hỗ trợ trồng cây Mắc ca

Thực hiện theo Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể:

### 6.3.1. Đối với hộ gia đình, cá nhân

#### a) Nội dung và mức hỗ trợ

- Trồng xen vào nương chè (mật độ 100cây/ha): Hỗ trợ 100% tiền giống; một phần tiền công làm đất và chi phí khuyến nông. Mức hỗ trợ 06 triệu đồng/ha.

- Trồng thuần và trồng xen thay thế cây sả (mật độ 300-330 cây/ha): Hỗ trợ 100% tiền giống; một phần tiền công làm đất và chi phí khuyến nông. Mức hỗ trợ 20 triệu đồng/ha.

#### b) Điều kiện được hỗ trợ

- Có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Lai Châu.
- Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng thuê đất.
- Có đất nằm trong dự án trồng Mắc ca được UBND tỉnh phê duyệt.

### 6.3.2. Đối với tổ chức kinh tế

#### a) Nội dung và mức hỗ trợ

Ngoài nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ, UBND tỉnh Lai Châu hỗ trợ thêm 06 triệu/ha đối với những diện tích có hợp đồng thuê đất, mua đất, góp quyền sử dụng đất giữa tổ chức kinh tế với các hộ gia đình, cá nhân.

#### b) Điều kiện hỗ trợ

- Có tư cách pháp nhân.
- Đầu tư trồng, phát triển cây Mắc ca trên địa bàn tỉnh Lai Châu với quy mô thực hiện từ 50 ha trở lên.
- Có hợp đồng thuê đất, mua đất, góp quyền sử dụng đất giữa các hộ gia đình, cá nhân với tổ chức kinh tế theo mẫu hợp đồng (do UBND tỉnh ban hành kèm theo Đề án).

#### 6.4. Chính sách chế biến và tiêu thụ

- Tỉnh Lai Châu khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư chế biến sâu sản phẩm Mắc ca trên địa bàn tỉnh: Tạo điều kiện cho thuê đất, miễn giảm tiền thuê đất theo quy định của pháp luật.

- Tỉnh Lai Châu khuyến khích các doanh nghiệp hợp tác trồng và tiêu thụ sản phẩm Mắc ca thông qua hợp đồng hợp tác sản xuất và kinh doanh giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp với nông dân, HTX. Các hợp đồng được tinh bao hộ theo quy định của pháp luật.

### 7. Tổng mức vốn và nguồn vốn của tỉnh hỗ trợ cho khuyến khích phát triển cây Mắc ca giai đoạn 2018-2021

#### 7.1. Tổng mức đầu tư

- Tổng vốn đầu tư của tỉnh giai đoạn 2018-2021 khoảng 24,9 tỷ đồng (bình quân mỗi năm 6,23 tỷ đồng), trong đó:

+ Hỗ trợ vườn ươm: 03 tỷ đồng.

+ Hỗ trợ trồng xen trên nương chè: 4,8 tỷ đồng.

+ Hỗ trợ trồng thuần và trồng xen thay thế cây sả: 17,1 tỷ đồng (hỗ trợ người dân: 09 tỷ đồng; hỗ trợ tổ chức kinh tế: 8,1 tỷ đồng).

7.2. Nguồn vốn đầu tư: Đề án khuyến khích phát triển cây Mắc ca thực hiện trong giai đoạn 2018-2021 được đầu tư bằng các nguồn vốn do địa phương quản lý, gồm:

- Nguồn ngân sách tỉnh.

- Nguồn dịch vụ môi trường rừng (10% chi phí quản lý của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng).

- Nguồn trồng rừng thay thế.

- Nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững.

- Các nguồn tự chủ khác của tỉnh.

### 8. Tổ chức thực hiện

#### 8.1. UBND các huyện, thành phố

- Tổ chức phổ biến Đề án đến các xã và thôn, bản.

- Lập dự án cho cả giai đoạn 2018-2021 và phân kỳ đầu tư cho từng năm gửi Sở Nông nghiệp & PTNT thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt trước 30/4/2018.

- Tổ chức thực hiện theo dự án được UBND tỉnh phê duyệt.

#### 8.2. Sở Nông nghiệp & PTNT

- Hướng dẫn UBND các huyện, thành phố lập dự án đầu tư; thẩm định dự án theo yêu cầu của Đề án và theo quy trình kỹ thuật trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn UBND các huyện, thành phố trong quá trình triển khai, thực hiện dự án.

- Kiểm soát nguồn giống đảm bảo giống có nguồn gốc rõ ràng, đáp ứng chất lượng theo quy trình kỹ thuật, giá cả phù hợp theo cơ chế thị trường.

- Tổ chức phúc tra kết quả nghiệm thu của UBND các huyện, thành phố.

- Theo dõi và tổng hợp tình hình thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh.

#### 8.3. Sở Kế hoạch & Đầu tư

- Hướng dẫn các tổ chức kinh tế lập dự án đầu tư, tổ chức thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định của Luật Đầu tư.

- Hướng dẫn cho các tổ chức kinh tế và tham mưu UBND tỉnh thực hiện hỗ trợ sau đầu tư cả nguồn ngân sách trung ương và nguồn ngân sách địa phương theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

- Tổng hợp tổng diện tích cây Mắc ca và kế hoạch trồng mới cây Mắc ca vào kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội hàng năm của tỉnh.

#### 8.4. Sở Tài nguyên & MT

- Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức để làm cơ sở pháp lý cho hợp đồng thuê đất, góp đất trồng Mắc ca.

- Hướng dẫn các tổ chức kinh tế trong việc thực hiện hợp đồng góp đất, cho thuê đất.

#### 8.5. Sở Tài chính

- Đảm bảo nguồn vốn hỗ trợ cho các dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt và theo kế hoạch trồng mới hàng năm.

- Hướng dẫn UBND các huyện, thành phố trong quá trình lập kế hoạch ngân sách hàng năm, trong công tác ứng, thanh toán, quyết toán vốn.

#### 8.6. Các cơ quan thông tin và truyền thông:

- Tổ chức tuyên truyền Đề án phát triển cây Mắc ca trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Phát hiện và tuyên truyền các mô hình hay, các cá nhân và tổ chức tiêu biểu trong quá trình thực hiện Đề án./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trọng Quảng

# QUY TRÌNH TẠM THỜI VỀ KỸ THUẬT TRỒNG, CHĂM SÓC, THU HOẠCH MẮC CA Ở LAI CHÂU

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1655/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)



## 1. Điều kiện sinh thái phù hợp cây Mắc ca

### 1.1. Khí hậu: Khí hậu Á nhiệt đới

- Nhiệt độ tối ưu: 12 - 32°C.
- Nhiệt độ ban đêm thời kỳ ra hoa: Từ 14 - 21°C (tốt nhất từ 14 - 17 °C) kéo dài từ 4 - 5 tuần.
- Lượng mưa: 1.500 - 2.000 mm và phân bố đều trong năm.

### 1.2. Độ ẩm không khí (thời kỳ ra hoa, đậu quả): Thời kỳ ra hoa, đậu quả độ ẩm không khí thấp.

### 1.3. Độ cao tuyệt đối: Thích hợp nhất từ 500 - 1.200 m.

### 1.4. Thổ nhưỡng

- Loại đất: Trồng trên nhiều loại đất khác nhau.
- Kết cấu đất: Đất tơi, xốp, thoát nước tốt.
- Độ dày tầng đất: > 0,7 m.
- Độ PH: 5,0 - 5,5.

## 2. Trồng xen Mắc ca với Chè

Mật độ bình quân 100 cây/ha.

- Hàng cách hàng: 10 m.
- Cây cách cây: 10 m.

## 3. Trồng thuần và xen vào nương sả

Mật độ bình quân 300- 330 cây/ha

- Hàng cách hàng: 6 m.
- Cây cách cây: 5 m.

## 4. Tiêu chuẩn cây giống

- Tất cả các cây đem trồng đều phải là cây đã ghép.
- Chồi ghép cần phải khỏe và lành lặn hợp quy cách.
- Cây giống ghép phải có thời gian nuôi dưỡng trong vườn ươm trên 3 tháng (tính từ khi ghép), chiều cao từ mắt ghép đến đỉnh cây cao trên 20 cm.
- Lá cây phải rộng, bóng, xanh thẫm và không có triệu chứng bệnh.
- Bộ rễ phải phát triển tốt, khỏe và không bị kẹt đáy bầu. Hệ rễ phải có

nhiều rễ bất định mọc quanh.

- Các cây giống đều phải treo biển tên giống cây và tên vườn ươm, địa chỉ.
- Cây giống sử dụng để trồng phải có nguồn gốc rõ ràng (có giấy chứng nhận nguồn gốc giống của lô cây con được cấp có thẩm quyền công nhận).

## 5. Làm đất, bón phân

- Đào hố: Cuối hố thành hàng theo đường đồng mức, kích thước hố tối thiểu 80 x 80 x 80 cm, khi cuốc để lớp đất mặt sang một bên, lớp đất đáy sang một bên. Phơi đất, khử nấm, áu trùng, sâu đất, ve sầu bằng cách rắc vôi bột và chế phẩm vi sinh. Thời gian đào hố trước khi trồng khoảng 1,5 đến 2 tháng.

- Bón phân: Lấp 1/2 chiều sâu hố (khoảng 30 cm) bằng lớp đất mặt tơi xốp sau đó cho 50 kg phân chuồng hoai + 0,2 kg NPK + 0,5 kg vôi bột + 0,04 kg thuốc mối trộn đều với lớp đất mặt trong hố rồi ủ khoảng 7 ngày trước khi trồng.

## 6. Trồng cây

Nên trồng vào những ngày râm mát đầu mùa mưa; nếu cây giống chuẩn bị tốt thì có thể trồng quanh năm.

- Cắt bỏ vỏ túi bầu. Nếu bộ rễ bị rói quanh rễ cái thì dùng kéo cắt bỏ bớt rễ rói. Nếu không bị rói nhiều thì lấy tay gỡ rối nhẹ nhàng. Duỗi thẳng những rễ ở dưới đáy và cắt bỏ những rễ bị xoắn.

- Dùng cuốc khơi rộng lòng hố, đặt bầu cây ngay ngắn thân thẳng vào giữa hố (đảm bảo rằng các rễ ở phía dưới được trải đều ra). Lấp một nửa hố bằng lớp đất mặt tơi xốp, lấy tay ấn chặt xung quanh bầu cây sau đó tiếp tục lấp đất đầy hố. Vun đất vào gốc thành hình mui rùa cao hơn mặt đất tự nhiên 4 - 5 cm để tránh đọng nước vào gốc cây khi trời mưa.

- Phủ xung quanh gốc một lớp cỏ khô để giữ ẩm cho cây, cắm cọc giữ cây.
- Cắt bỏ những cành, lá phía dưới mắt ghép.

## 7. Kỹ thuật chăm sóc và quản lý vườn Mắc ca

### 7.1. Bón phân

#### a) Nguyên tắc và thời gian bón phân

- Nguyên tắc chung là bón vừa đủ, nhiều lần trong năm. Vì vậy, phải căn cứ vào kết quả phân tích đất hoặc lá cây.

- Bón đầu tháng 1: Bón trước khi ra hoa, để tăng khả năng ra hoa, đậu quả.
- Bón giữa tháng 3: Cây ra nhiều hoa tiêu hao nhiều chất trong đất, cần bón bổ sung.
- Bón cuối tháng 4: Giúp cành khỏe và cho quả non trưởng thành.
- Đến giữa tháng 6: Bón để giảm lượng quả rụng.
- Bón phân đầu tháng 10: Bón sau khi thu hoạch, để cây kịp phục hồi cho cây sau khi đã thu hoạch quả.

### b) Cách bón

Đào rãnh xung quanh gốc cây ở vị trí hình chiểu của mép tán cây, chiều rộng của rãnh khoảng 20 - 30 cm, chiều sâu của rãnh khoảng 20 - 30 cm, cho phân xuống rãnh sau đó lấp đất kín phân.

### c) Lượng phân bón

- Thời kỳ cây 1 - 3 tuổi, bón phân nên chia thành nhiều lần trong năm. Số lượng nên bón ( $0,2 \text{ kg/cây} \times \text{tuổi cây}/\text{số lần bón}$ ).

*Ví dụ: Cây 2 tuổi ( $0,2 \text{ kg/cây} \times 2 = 0,4 \text{ kg/cây}$ ), chia 4 lần mỗi lần bón  $100g/cây$ .*

- Thời kỳ cây từ tuổi 4 trở đi: Bón phân vẫn nên chia thành nhiều lần bón trong năm, trong thời gian từ tháng 9 đến tháng 5. Kali bây giờ cũng cần nhiều như đạm và lân, nên bón tăng đạm 30%, Kali tăng 20%, Ca tăng 10%, Magie tăng 25%.

- Hệ thống tưới nước, bón phân nhỏ giọt là phương pháp tốt nhất khi bón lượng nhỏ mỗi lần.

- Phân trâu bò phải được Ủ hoai trước khi bón ít nhất ba tháng.

- Thời gian thích hợp nhất cho việc bón phân là tùy thuộc vào kết quả phân tích đất và lá cây. Thông thường bón phân đạm chia ra nhiều lần trong năm.

- Nếu sử dụng loại phân phân hủy chậm, bón cách gốc cây 20 cm để tránh làm hại thân cây và rễ cây. Rải đều phân quanh vành tán cây 30 cm. Tưới nước sau mỗi lần bón phân. Đối với những cây chậm phát triển, nên sử dụng một ít phân gia cầm và phân hỗn hợp.

### 7.2. Tưới nước cho cây

- Trong thời gian 3 năm đầu có thể tưới bất cứ khi nào nếu thấy cây khô hạn.

- Từ năm thứ tư trở đi, thì nên hạn chế tưới nước trước lúc ra hoa.

- Giai đoạn cây ra hoa, đậu quả và tích lũy dầu phải tưới đầy đủ nước.

- Trong điều kiện thời tiết hanh khô: Từ năm thứ nhất khoảng 40 lít/cây/tuần; từ năm thứ 2 - 4 khoảng 150 lít/cây/tuần; Cây trưởng thành cần có 350 lít nước/tuần.

- Sử dụng hệ thống kiểm tra độ ẩm của đất.

- Sử dụng hệ thống tưới nhỏ giọt là tốt nhất, có thể cung cấp phân qua hệ thống tưới nhỏ giọt.

### 7.3. Tỉa cành, tạo tán

- Lần 1: Sau khi trồng, cây có độ cao từ 1 - 1,2 m cần bấm ngọn để tạo tán.

- Lần 2: Khi các chồi lần 1 cao khoảng 0,5 m, ở lần 2 mỗi cây chỉ để lại 3 cành.

- Lần 3: Khi các chồi lần 2 cao khoảng 1 m, mỗi cành lần 2 để lại 3 cành.

Thời gian tạo tán thực hiện ở năm 1 và 2.

- Sau lần tạo tán lần 3 để cây phát triển bình thường, khi cây vào thời kỳ kinh doanh, cắt tỉa những cành sát mặt đất dưới 60 cm (ở tầng tán thứ 3 đối với những cây có tán quá dày), cắt những cành bị sâu bệnh hại, những cành lệch tán, những cành mọc chồng chéo, đan xen nhau. Nếu tán cây không quá dày, không nên cắt tỉa những cành nhỏ bên trong tán.

#### **7.4. Quản lý cỏ dại**

- Định kỳ chăm sóc cho cây như phát dọn thực bì, xới vun gốc, trừ cỏ dại quanh gốc cây bán kính 0,5 m.

鏟除Phủ cỏ khô, rơm khô hoặc phân vỏ hạt vào gốc cây để giảm nước bốc hơi.

- Tránh dùng các loại hóa chất diệt cỏ.

- Sơn hoặc bọc nùi rơm đoạn thân gốc cây để tránh sương giá.

#### **7.5. Trồng xen cây nông nghiệp ngắn ngày trong vùng mắc ca**

Thích hợp đối với các loài: Đậu đỗ, lúa nương, nghệ, sa nhân, các cây thảo dược; nên trồng cách gốc từ 1-1,5m.

#### **7.6. Hạn chế quả non rụng sớm**

Nguyên nhân chính gây rụng hoa, rụng quả ở cây Mắc ca chủ yếu là vấn đề dinh dưỡng và điều kiện thời tiết.

- Dinh dưỡng: Chủ yếu ở giai đoạn ra hoa đậu quả (tháng 2 - 4) và giai đoạn vào cuối tháng 6, tháng 7 khi cây bắt đầu ra nhiều lộc, quả bước vào thời kỳ tích lũy nhanh về dầu.

- Điều kiện thời tiết: Khi môi trường nhiệt độ tăng cao tới 30 - 35°C. Độ ẩm không khí cao và cây thiếu nước trong thời kỳ ra hoa đậu quả.

Vì vậy, để hạn chế quả non rụng sớm cần phải bón phân tươi nước đầy đủ và kịp thời.

#### **7.7. Sâu bệnh chính hại Mắc ca**

- Theo FSIV (Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam) và WASI (Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Tây Nguyên) thì ở Việt Nam chưa thấy có sâu bệnh hại nghiêm trọng đối với các vườn ươm và vườn cây Mắc ca.

- Những sâu hại chủ yếu là rệp, bọ trĩ, gây hại lộc non, lá non. Bệnh hại chủ yếu là bệnh thán thư, bệnh thối rễ, thối quả và các bệnh sinh lý.

- Chuột, kiến phá hoại quả trên cây và khi chín.

- Biện pháp phòng trừ chủ yếu là sử dụng các giống chống bệnh và các biện pháp canh tác; vệ sinh sạch sẽ vườn và đánh bắt, bẫy chuột.

- Mối: Vùng đất đồi núi thường có nhiều mối, khi trồng phải dùng thuốc diệt mối hoặc bỏ 01 viên băng phiến vào gốc để chống mối.

#### **7.8. Chống đổ do gió lốc**

- Trồng sâu, bón lót dưới đáy hố để kích thích rễ ăn xuống.

- Tia cành, tạo tán để cây thoáng gió.
- Hạn chế trồng ở những nơi thường xuyên có gió lốc.
- Đối với những cây có tán lớn, có nguy cơ gãy; đồ phải tiến hành chằng, chống trong mùa gió lốc (từ tháng 3 - 5 hàng năm).
- Thường xuyên kiểm tra mối xung quanh gốc cây và diệt mối kịp thời bằng thuốc diệt mối hoặc dùng băng phiến để xua đuổi.

### **8. Thu hoạch và bảo quản Mắc ca**

- Cần thu hoạch khi quả đã chín (*ở nước ta khoảng đầu tháng 9 dương lịch*). Tuyệt đối không hái quả khi chưa chín.
- Trước khi quả rụng 1 - 2 tuần phải làm vệ sinh vườn cây. Trước khi quả chín 1 tháng cho đến khi thu hoạch xong, không bón phân.
- Quả Mắc ca khi già vỏ quả trong biến đổi từ màu trắng hoặc nâu nhạt sang màu nâu thẫm, bên trong vỏ ngoài của quả xuất hiện những chấm đen, vỏ bắt đầu nứt và rụng xuống đất thì có thể bắt đầu thu hoạch.
- Quả sau khi thu hoạch thì cần bóc vỏ màu xanh ngay trong vòng 24 giờ.
- Sản lượng quả, hạt Mắc ca phụ thuộc nhiều yếu tố, trong đó yếu tố giống và chăm sóc quản lý là quan trọng nhất; bình thường đến năm thứ 5 sản lượng đạt khoảng 1,5 tấn quả/ha; đến năm thứ 10 đạt từ 3-4,5 tấn quả/ha./.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU HỢP ĐỒNG  
GÓP VỐN BẰNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỂ TRỒNG CÂY MẮC CA  
Số:...../...../HĐGD

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1655/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2017  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)



Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH 13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH 13 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;

Căn cứ Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số ..... ngày .../.../201.. do Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu cấp cho Công ty.....ngày.../.../....

Căn cứ Biên bản họp Đại hội cổ đông/Hội đồng thành viên Công ty..... số.... họp ngày .../.../201.. về việc đồng ý nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của người dân tại địa bàn tỉnh Lai Châu để trồng cây Mắc ca.

Hôm nay, ngày .... tháng .... năm 201 ... tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã/thị trấn....., chúng tôi gồm có các bên dưới đây:

**I. ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH GÓP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT (Sau đây gọi là bên A):**

Ông (bà):..... Sinh ngày:...../...../.....

Giấy CMND/Hộ chiếu/Căn cước công dân số:.....do Công an tỉnh..... cấp ngày...../...../.....

Địa chỉ thường trú: .....

Số điện thoại: .....

Và bà (ông):..... Sinh ngày:...../...../.....

Giấy CMND/Hộ chiếu/Căn cước công dân số:.....do Công an tỉnh..... cấp ngày...../...../.....

Địa chỉ thường trú: .....

Số điện thoại: .....

## II. ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN GÓP VỐN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT (Sau đây gọi là bên B):

Tên tổ chức: Công ty .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ..... ngày ..... do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp ngày...../...../.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:.....

Số tài khoản: ..... tại Ngân hàng.....

Mã số thuế: .....

Họ và tên người đại diện pháp luật: Ông (bà)....., Chức vụ: .....

Sinh ngày:...../...../.....

Giấy CMND/Hộ chiếu/Căn cước công dân số:.....do Công an tỉnh..... cấp ngày...../...../.....

Trên cơ sở bàn bạc, thảo luận với sự chứng kiến, xác nhận của chính quyền địa phương và mỗi bên đã hiểu đầy đủ, chính xác nội dung từng điều, khoản của hợp đồng, hai bên đồng ý thực hiện việc góp vốn bằng quyền sử dụng đất và nhận quyền sử dụng đất để hợp tác trồng cây Mắc ca với các điều khoản sau:

### **Điều 1. Quyền sử dụng đất góp vốn**

1. Quyền sử dụng đất của Bên A đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Sau đây gọi là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) do Ủy ban nhân dân huyện/thành phố.....tỉnh Lai Châu cấp ngày, cụ thể như sau:

T T	Số GCN	Ngày cấp	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Địa chỉ thửa đất	Diện tích đất góp (m <sup>2</sup> )	Hình thức sử dụng	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Nguồn gốc sử dụng
1										
2										
3										
4										
....										
<b>Cộng</b>										

Những hạn chế về quyền sử dụng đất (nếu có): .....

<sup>1</sup> Trường hợp người đại diện ký Hợp đồng nhận góp vốn quyền sử dụng đất của bên B được ủy quyền thì ghi số, ngày, tháng, năm của văn bản ủy quyền.

2. Quyền sử dụng đất của Bên B: Bằng Hợp đồng này, Bên A đồng ý góp quyền sử dụng đất và Bên B đồng ý nhận góp quyền sử dụng đất các thửa đất có thông tin nêu tại Khoản 1, Điều này.

### 3. Hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề:

- Bên B chi trả cho Bên A số tiền chuyển đổi đất trồng cây Mắc ca:

Diện tích (ha)	Mức hỗ trợ (đồng/ha)	Tổng số tiền (đồng)	Ghi chú
	6.000.000		

Tổng số tiền Bên A nhận hỗ trợ chuyển đổi đất trồng cây Mắc ca (bằng chữ):.....

- Hình thức và thời gian hỗ trợ: Bằng tiền mặt, Bên B chi trả cho bên A một (01) lần ngay sau khi Bên A ký hợp đồng và bàn giao đất cho Bên B.

### Điều 2. Thời hạn góp vốn bằng quyền sử dụng đất và thời hạn bàn giao đất

1. Thời hạn góp vốn bằng quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này được tính từ ngày hai bên ký Hợp đồng đến ngày...../...../.....<sup>2</sup>. Hợp đồng có thể được gia hạn theo thỏa thuận của các bên.

2. Bên A có trách nhiệm bàn giao đất và Bên B có trách nhiệm tiếp nhận quyền sử dụng đất trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký Hợp đồng hoặc một thời gian khác theo yêu cầu của hai bên.

### Điều 3. Mục đích góp quyền sử dụng đất

Mục đích góp quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là: Hợp tác trồng cây Mắc ca lấy quả; phân chia giá trị sản phẩm là hạt mắc ca tươi.

### Điều 4. Phân chia giá trị sản phẩm

1. Giá trị sản phẩm hạt mắc ca tươi của từng năm (từ năm thứ 5 trở đi) được chia cho Bên A = Diện tích đất góp quyền sử dụng đất của Bên A x (nhân) với năng suất hạt mắc ca tươi thu được bình quân chung của lô đất góp x (nhân) với 10% x (nhân). Giá trị thị trường hạt mắc ca tươi tại thời điểm bán. Toàn bộ giá trị còn lại thu từ vườn cây mắc ca thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Bên B.

- Diện tích góp quyền sử dụng đất của bên A bao gồm: Diện tích đất trồng cây mắc ca, diện tích đất xây dựng vườn cây và diện tích đất không phù hợp trồng cây mắc ca liền vùng và nằm trong thửa đất trồng cây mắc ca.

- Năng suất hạt Mắc ca tươi thu được bình quân chung của lô đất góp từng năm là tổng sản lượng hạt Mắc ca tươi thu được của lô đất góp trong năm đó chia cho tổng diện tích thu hoạch quả Mắc ca tươi năm đó của lô đất góp. Bên B có trách nhiệm công bố công khai, minh bạch, chính xác thông tin sản lượng hạt Mắc ca tươi thu được của từng năm dưới sự giám sát của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lai Châu.

<sup>2</sup> Ghi thời hạn theo Giấy chứng nhận đầu tư của doanh nghiệp được UBND tỉnh Lai Châu cấp.

- Giá bán căn cứ vào giá thị trường tại thời điểm bán và được dựa trên các Hợp đồng mua bán hạt Mắc ca giữa Bên B ký kết với các đối tác thông qua giám sát của Sở Tài chính tỉnh Lai Châu.

2. Phương thức thanh toán: Bên B thanh toán cho Bên A một lần bằng tiền mặt vào tháng 11 dương lịch hàng năm.

3. Việc giao và nhận số tiền nêu tại khoản 1 Điều này do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

4. Đối với tiền dịch vụ môi trường rừng được chi trả (nếu có), được nhà nước chi trả trực tiếp cho người dân tham gia góp đất theo quy định của tỉnh Lai Châu.

5. Đối với tiền hỗ trợ đầu tư trồng mắc ca theo chính sách của Nhà nước (nếu có) để hỗ trợ cho Bên B đầu tư trồng, chăm sóc mắc ca thì Bên B được hưởng 100%.

#### **Điều 5. Nghĩa vụ và quyền hạn của Bên A**

1. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

a) Giao thửa đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này cho bên B đúng diện tích, đúng vị trí và đúng thời hạn.

b) Nộp thuế sử dụng đất và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có).

c) Giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã góp cho Bên B để thuê Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện giữ, bảo quản.

d) Nếu Bên A được Bên B tuyển dụng vào làm việc cho Bên B, Bên A phải chấp hành theo sự điều động, phân công bố trí lao động của Bên B, không nhất thiết phải là trên chính thửa đất góp của Bên A.

đ) Bên A tôn trọng quyền sở hữu tài sản và hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp của Bên B trên diện tích đất góp vốn.

e) Không được yêu cầu Bên B trả lại đất trước thời hạn hoặc yêu cầu chấm dứt Hợp đồng này trước thời hạn (trừ trường hợp quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 9 của Hợp đồng này).

2. Bên A có các quyền sau đây:

a) Được yêu cầu Bên B thanh toán đủ số tiền theo đúng thời hạn được quy định tại Điều 4 của Hợp đồng này.

b) Được chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế một phần hoặc toàn bộ quyền sử dụng phần đất góp khi được sự chấp thuận của Bên B, với điều kiện bắt buộc là người được thụ hưởng trên phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ góp quyền sử dụng đất theo nội dung các điều khoản trong Hợp đồng này.

c) Được yêu cầu phạt chậm trả đối với Bên B theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 01 (một) năm do quy định của Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền công bố tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền chậm trả khi Bên B không thực

hiện việc thanh toán đúng đúng thời hạn hoặc thanh toán không đầy đủ theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng này.

d) Nếu đủ điều kiện Bên A được ưu tiên tuyển dụng vào làm công nhân theo quy chế của Bên B và quy định của Luật Lao động.

đ) Được hưởng giá trị bồi thường về quyền sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất. Trong trường hợp này, hai bên điều chỉnh lại diện tích đất góp trong Hợp đồng theo diện tích thực tế sau khi bị thu hồi và được cơ quan có thẩm quyền chinh lý biến động đất đai trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp hoặc cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

e) Được nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích đất góp sau khi hết thời hạn góp quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này.

#### **Điều 6. Nghĩa vụ và quyền hạn của Bên B**

1. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:

a) Sử dụng đất đúng mục đích, đúng thời hạn quyền sử dụng đất nêu tại Điều 2 và Điều 3 của Hợp đồng này.

b) Thanh toán tiền đầy đủ, kịp thời cho Bên A theo quy định tại Điều 4 và điểm c Khoản 2 Điều 5 của Hợp đồng này.

c) Không được cho người khác thuê lại quyền sử dụng đất nếu không được Bên A đồng ý bằng văn bản.

d) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho Bên A theo định kỳ trong trường hợp Bên A được tuyển làm việc cho Bên B.

đ) Chỉ đồng ý cho Bên A được chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế một phần hoặc toàn bộ quyền sử dụng phần đất góp theo điểm b Khoản 2 Điều 5 của Hợp đồng này sau khi có thông báo của Bên A.

e) Đề nghị cơ quan giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bên A và Bên B trả lại diện tích đất khi hết thời hạn góp vốn quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này.

2. Bên B có các quyền sau:

a) Yêu cầu Bên A giao thửa đất đúng như đã thoả thuận tại Điều 1 của Hợp đồng này.

b) Được toàn quyền sử dụng đất ổn định theo thời hạn góp quyền sử dụng đất quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này.

c) Được sử dụng toàn bộ giá trị vườn cây đầu tư trên đất để thế chấp, vay vốn tổ chức tín dụng khi cần thiết.

d) Được hưởng toàn bộ giá trị bồi thường chi phí đầu tư trên đất khi Nhà nước thu hồi đất.

## **Điều 7. Việc đăng ký góp quyền sử dụng đất và nộp lệ phí**

1. Việc đăng ký góp quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật do Bên B chịu trách nhiệm thực hiện.

2. Lệ phí liên quan đến việc góp quyền sử dụng đất theo Hợp đồng này và thuê giữ, bảo quản giấy chứng nhận do Bên B chịu trách nhiệm nộp.

## **Điều 8. Phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng**

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trường hợp không giải quyết được, thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu tòa án trên địa bàn tỉnh Lai Châu giải quyết theo quy định của pháp luật.

## **Điều 9. Chấm dứt Hợp đồng**

1. Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

a) Khi hết thời hạn góp quyền sử dụng đất.

b) Đất góp bị Nhà nước thu hồi theo quy định.

c) Đất bị thiệt hại do thiên tai, địch họa hoặc trường hợp đặc biệt không thể tiếp tục sản xuất được.

d) Cả hai bên thống nhất chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản.

đ) Khi Bên B không thanh toán cho Bên A theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 của Hợp đồng này trong thời gian 01 tháng kể từ khi Bên A bàn giao đất cho Bên B hoặc theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng này trong 01 năm (tính từ năm thứ 5 trở đi).

2. Xử lý chấm dứt Hợp đồng:

a) Khi chấm dứt Hợp đồng theo điểm a, Khoản 1 của Điều này: Việc xử lý Hợp đồng theo điểm a và e, Khoản 2 Điều 5 của Hợp đồng này.

b) Khi chấm dứt Hợp đồng theo điểm b, Khoản 1, Điều này: Việc xử lý Hợp đồng theo điểm đ, Khoản 2 Điều 5 và điểm d, Khoản 2 Điều 6 của Hợp đồng này.

c) Khi chấm dứt hợp đồng theo điểm c, d, Khoản 1, Điều này: Việc xử lý Hợp đồng do hai bên thỏa thuận, trường hợp không thỏa thuận được thì thực hiện theo Điều 8 của Hợp đồng này.

d) Khi chấm dứt Hợp đồng theo điểm đ Khoản 1, Điều này, Bên B đề nghị Văn phòng Đăng ký đất đai cấp huyện xóa đăng ký góp quyền sử dụng đất và trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích đất gộp cho Bên A.

## **Điều 10. Phiên dịch Hợp đồng sang ngôn ngữ của Bên A**

1. Các thành viên Bên A là người dân tộc....., vì vậy để đảm bảo hiểu rõ, đầy đủ, chính xác toàn bộ nội dung của Hợp đồng này, Bên A, Bên B đã mời

Ông/bà..... là người thông thạo tiếng Việt và tiếng....., đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ để phiên dịch, giải thích cho Bên A hiểu rõ nội dung của Hợp đồng này.

2. Sau khi được phiên dịch, giải thích, Bên A đã hiểu rõ toàn bộ nội dung của Hợp đồng, không còn thắc mắc, câu hỏi nào khác.

3. Ông/bà..... là người phiên dịch cam kết đã dịch đầy đủ, chính xác, khách quan Hợp đồng này cho Bên A nghe và hiểu. Ông/bà..... chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Bên A, Bên B về việc phiên dịch của mình và cùng ký tên trong Hợp đồng này làm bằng chứng.

### **Điều 11. Cam đoan của các bên**

1. Bên A cam đoan:

a) Những thông tin về nhân thân, về thửa đất đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

b) Thửa đất đưa vào góp quyền sử dụng đất phù hợp theo quy định của pháp luật;

c) Tại thời điểm ký kết Hợp đồng này:

- Thửa đất không có tranh chấp;

- Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án.

d) Việc ký kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

đ) Đã hiểu rõ và cam kết thực hiện đúng các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

2. Bên B cam đoan:

a) Những thông tin của Bên B đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

b) Đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất;

c) Việc ký kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

d) Đã hiểu rõ và cam kết thực hiện đúng các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

### **Điều 12. Điều khoản cuối cùng**

1. Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc ký kết Hợp đồng này.

2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu chủ trương chính sách của Nhà nước có thay đổi hoặc phát sinh thì hai bên cùng nhau bàn bạc và thống nhất giải quyết chỉnh sửa bằng các phụ lục của Hợp đồng.

Hợp đồng này được lập thành 06 bản chính (mỗi bản chính gồm .... tờ, ..... trang, có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 01 bản chính, Bên B giữ 04 bản chính, 01 bản chính lưu tại Ủy ban nhân dân xã/thị trấn nơi chứng nhận./.

**BÊN A**

(Ông, Bà đồng ký và ghi rõ họ và tên)

**BÊN B**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ và tên)

**III. NGƯỜI PHIÊN DỊCH HOẶC NGƯỜI LÀM CHỨNG (Nếu có, theo yêu cầu của các bên)**

Họ và tên:.....Sinh ngày:...../...../.....

Giấy CMND/Hộ chiếu/Căn cước công dân số:.....do Công an tỉnh..... cấp ngày...../...../.....

Địa chỉ thường trú: .....

Là người phiên dịch hoặc làm chứng:.....

**NGƯỜI PHIÊN DỊCH HOẶC NGƯỜI LÀM CHỨNG**

(Ký, ghi rõ họ và tên)

**LỜI CHỨNG NHẬN CỦA CHỦ TỊCH/PHÓ CHỦ TỊCH  
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/THỊ TRẤN.....**

Ngày.....tháng.....năm.....(bằng chữ .....),  
tại .....tỉnh .....village .....Chức vụ: .....Ủy ban nhân dân  
xã/thị trấn.....huyện.....tỉnh Lai Châu.

**CHỨNG NHẬN:**

Hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất để trồng cây Mắc ca được giao  
kết giữa:

1. Bên A:

Hộ ông (bà):.....Sinh ngày:...../...../.....

Giấy CMND/Hộ chiếu/Căn cước công dân số:.....do Công an  
tỉnh..... cấp ngày...../...../.....

Và bà (ông):.....Sinh ngày:...../...../.....  
Giấy CMND/Hộ chiếu/Căn cước công dân số:.....do Công an  
tỉnh..... cấp ngày...../...../.....

2. Bên B:

Công ty .....

Đại diện theo quy định của pháp luật là ông (bà).....,  
Chức vụ: ....., Sinh ngày:...../...../.....

Giấy CMND/Hộ chiếu/Căn cước công dân số:.....do Công an  
tỉnh..... cấp ngày...../...../.....

- Các bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết Hợp đồng này;
- Tại thời điểm chứng nhận, các bên giao kết Hợp đồng có năng lực hành vi  
dân sự theo quy định của pháp luật;
- Mục đích, nội dung của Hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái  
đạo đức xã hội;
- Hợp đồng này được lập thành ..... bản chính (mỗi bản chính gồm .... tờ,  
..... trang (số tờ, số trang bao gồm cả phần lời chứng của UBND), có giá trị  
pháp lý như nhau.

Bên A giữ 01 bản chính;  
Bên B giữ 04 bản chính;  
Bên chứng nhận giữ 01 bản chính được lưu tại Ủy ban nhân dân xã/thị trấn  
.....huyện..... tỉnh Lai Châu.

Ngày..... tháng..... năm.....

Số chứng thực....., quyền số .....CTTP/HT, BS

CHỦ TỊCH/PHÓ CHỦ TỊCH